

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 9 - 2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn, tranh chấp hợp
đồng thuê tài sản".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhung

Bà Tạ Thị Mùa

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Tòa án nhân dân thành phố Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2021/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, tranh chấp hợp đồng thuê tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Quảng Thị Đ; Địa chỉ: Bản H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

2 Bị đơn: Ông Lò Văn H; Địa chỉ: Bản C, xã M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. vắng mặt.

3 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lò Thị S; Địa chỉ: Thôn Liên Minh, xã Nhữ Hán, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Bà Quàng Thị Đ và ông Lò Văn H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mường Phăng, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 20/4/2016, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống H phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hay cãi nhau và đã sống ly thân từ giữa năm 2021 đến nay, bà Đ về ở với bố mẹ đẻ tại Bản H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên còn ông H về sống cùng bố, mẹ đẻ tại Bản C, xã M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, không ai quan tâm đến ai. Nguyên nhân là do tính tình không hợp. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Lò Thị Nhã Uyên, sinh ngày 12/01/2019, hiện cháu đang ở với bà Đ, cháu Uyên khỏe mạnh, phát triển bình thường. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai bà Đ có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Uyên. Vì, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu Uyên sống cùng bà Đ, ông H không thăm hỏi, trông nom con chung, bà Đ ngoài làm nông nghiệp ra thì còn buôn bán hàng nông sản có thu nhập đủ nuôi con, mặt khác cháu Uyên là con gái cần sự chăm sóc, dạy bảo của mẹ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện bà Đ yêu cầu ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng. Ngày 06/7/2022 và tại phiên toà bà Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con, bà Đ không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu độc lập của bà Lò Thị S: Bà Đ không đồng ý với yêu cầu độc lập của bà S. Bà S là chị gái ruột của ông H, bà Đ không được tham gia, không ký hợp đồng thuê máy móc với bà S. Bà Đ và ông H chưa bao giờ bàn bạc với nhau về việc đi thuê máy móc, thiết bị về để phục vụ công việc kinh doanh. Nếu có hợp đồng thuê máy móc, thiết bị nào giữa ông H và bà S thì máy móc, thiết bị đó không mang đến phục vụ cho hoạt động kinh doanh nhằm tạo ra thu nhập cho gia đình bà Đ.

2. Tại bản tự khai đề ngày 17/01/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lò Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Ông H và bà Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Phăng ngày 20/4/2016. Trong quá trình chung sống vợ, chồng hay cãi nhau đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không thể giải quyết được mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2021 đến nay, không quan tâm đến nhau, cuộc sống không có H phúc, nên ông đồng ý với yêu cầu của bà Đ về hôn nhân, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Lò Thị Nhã Uyên, sinh ngày 12/01/2019. Tại bản tự khai đề ngày 17/01/2022, ông H đồng ý giao con cho bà Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, ông H thay đổi ý kiến, ông H muốn được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu bà

Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 1.500.000đ/tháng.

Về tài sản: Không có yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu độc lập của bà S: Ông H đồng ý với yêu cầu độc lập (khởi kiện) của bà S.

3. Tại đơn yêu cầu độc lập (đơn khởi kiện) người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Lò Thị S trình bày:

Ngày 27/02/2020, bà S có cho vợ chồng ông H, bà Đ thuê thiết bị, máy móc sau:

- 01 máy in khổ lớn Model: LT2502-LIANGTU (Màu đỏ đen) Thông số kỹ thuật: Khổ in tối đa: 2.5m; mực: Eco solvent; Đầu phun: 02 đầu phun XP600;

- 01 bộ Máy vi tính gồm: CPU Intel core i5 - 9400F; Mainboard ASUS PRIME B365M-K; Ram Corsair Vengeance LPX 16G; VGA GIGABYTE GeForce RTX 1650 WINDFORCE OC 4G; Ổ cứng SSD ADATA XPG SX6000 Lite 128GB NVMe M.2; Ổ cứng Seagate Barracuda 1TB 64MB cache; Nguồn máy tính AC bell - Power G550; Vỏ máy tính GAMEMAX; Bộ chuột phím Fulhen.

Thời hạn thuê là 01 năm với giá thuê là 2.000.000đ/tháng và trả hàng tháng bằng tiền mặt, tiền thuê ông H đã trả cho bà S từ ngày 27/02/2020 đến ngày 27/10/2021 là 24.000.000đ. Hợp đồng chỉ có bà S và ông H ký, bà Đ không ký, tuy nhiên ông H thuê máy móc về là để phục vụ hoạt động kinh doanh quảng cáo của vợ chồng bà Đ, ông H. Nay vợ chồng ông H, bà Đ khởi kiện ly hôn bà S yêu cầu Tòa án buộc ông H, bà Đ trả lại cho bà S các tài sản thuê trên:

Ngoài ra bà S không có yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn, đã thực hiện cơ bản đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ đối với yêu cầu độc lập (khởi kiện) của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị S do bà S đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Sung công quỹ nhà nước của bà S 300.000đ tiền tạm ứng án phí. Bà Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Bị đơn ông Lò Văn H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản C, xã M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, tranh chấp hợp đồng thuê tài sản nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ như Biên bản xác minh xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, lấy lời khai của đương sự. Tòa án nhân dân thành phố Đ đã thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để thực hiện việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật và tham gia phiên tòa.

Do trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án không tiến hành hòa giải.

Về sự vắng mặt của bị đơn ông Lò Văn H: Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông H vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Lò Thị S: Toà án triệu tập đến phiên toà hợp lệ hai lần, mà bà S vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm d khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà S.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Quàng Thị Đ và ông Lò Văn H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Phăng, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Giấy chứng nhận kết hôn số 09, ngày 20/4/2016) nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian, sau đó vợ chồng hay cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được gia đình hoà giải nhưng không thành. Việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã được ông H thừa nhận và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, tại văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ông H đồng ý ly hôn với bà Quàng Thị Đ. Do vậy, bà Đ và ông H đã sống ly thân, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được mặc dù đã được gia

đình hoà giải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ và giải quyết cho bà Đ được ly hôn với ông H.

[3.2] Về con chung: Bà Đ và ông H đều thừa nhận vợ chồng có một con chung là Lò Thị Nhã Uyên, sinh ngày 12/01/2019, vợ chồng không có con riêng, con nuôi. Bà Đ và ông H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung.

Xét điều kiện nuôi con của bà Đ: Bà Đ làm nông nghiệp ngoài ra còn buôn bán hàng nông sản, có thu nhập đủ để nuôi con, có chỗ ở ổn định và trong quá trình chăm sóc, nuôi con bà Đ không vi phạm quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con, quyền lợi của con chung được bảo đảm.

Xét điều kiện nuôi con của ông H: Ông H không đưa ra được chứng cứ chứng minh điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của mình.

Hội đồng xét xử thấy rằng, từ khi bà Đ, ông H sống ly thân đến nay con chung là cháu Uyên do bà Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian bà Đ chăm sóc, nuôi dưỡng con chung bà Đ không có vi phạm gì về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ với con, việc này phù hợp với kết quả xác minh của Toà án tại địa phương nơi cháu Uyên từng và đang sinh sống (BL 132, 133, 134, 135). Để đảm bảo sự phát triển ổn định của cháu Uyên, cần giao cháu Uyên cho bà Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và đảm bảo quyền lợi cho cháu Uyên.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện nguyên đơn bà Đ yêu cầu ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng. Ngày 06/7/2022, bà Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con của bà Đ là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 244 của BLTTDS chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Đ về cấp dưỡng nuôi con. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn ông H có nguyện vọng nuôi con chung và yêu cầu bà Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đ/tháng, do Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho bà Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nên yêu cầu của ông H về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không được chấp nhận.

[4] Về tài sản:

Nguyên đơn bà Đ không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông H không có yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản.

[5] Xét yêu cầu độc lập của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị S:

[5.1] Bà S Yêu cầu ông H, bà Đ trả cho bà:

- 01 máy in khổ lớn Model: LT2502-LIANGTU (Màu đỏ đen) Thông số kỹ thuật: Khổ in tối đa: 2.5m; mực: Eco solvent; Đầu phun: 02 đầu phun XP600.

- 01 bộ Máy vi tính gồm: CPU Intel core i5 - 9400F; Mainboard ASUS PRIME B365M-K; Ram Corsair Vengeance LPX 16G; VGA GIGABYTE GeForce RTX 1650 WINDFORCE OC 4G; Ổ cứng SSD ADATA XPG SX6000 Lite 128GB NVMe M.2; Ổ cứng Seagate Barracuda 1TB 64MB cache; Nguồn máy tính AC bell - Power G550; Vỏ máy tính GAMEMAX; Bộ chuột phím Fulhen.

[5.2] Từ khi Tòa án thụ lý yêu cầu độc lập của bà S đến phiên tòa sơ thẩm, bà S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần (03 lần tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, 02 lần đến phiên tòa) nhưng bà S đều vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 73, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập (khởi kiện) của bà Lò Thị S.

[5.3] Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện (yêu cầu độc lập) của bà Lò Thị S: Bà S có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đối với yêu cầu khởi kiện (yêu cầu độc lập) của bà theo quy định của Pháp luật; Đối với tiền tạm ứng án phí mà bà Lò Thị S đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001886 ngày 14/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, do bà S đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định sung vào công quỹ nhà nước.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1, 2 Điều 218; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quàng Thị Đ.

1. Về hôn nhân: Bà Quàng Thị Đ được ly hôn với ông Lò Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Thị Nhã Uyên, sinh ngày 12/01/2019 cho bà Quàng Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Uyên đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng: Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

5. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập (khởi kiện) của bà Lò Thị S về việc yêu cầu bà Đ, ông H có nghĩa vụ trả cho bà S:

01 máy in khổ lớn Model: LT2502-LIANGTU (Màu đỏ đen) Thông số kỹ thuật: Khổ in tối đa: 2.5m; mực: Eco solvent; Đầu phun: 02 đầu phun XP600.

01 bộ Máy vi tính gồm: CPU Intel core i5 - 9400F; Mainboard ASUS PRIME B365M-K; Ram Corsair Vengeance LPX 16G; VGA GIGABYTE GeForce RTX 1650 WINDFORCE OC 4G; Ổ cứng SSD ADATA XPG SX6000 Lite 128GB NVMe M.2; Ổ cứng Seagate Barracuda 1TB 64MB cache; Nguồn máy tính AC bell - Power G550; Vỏ máy tính GAMEMAX; Bộ chuột phím Fulhen).

Bà S có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đối với yêu cầu khởi kiện của bà theo quy định của Pháp luật.

5. Về án phí:

Bà Quàng Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Đ đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001762 ngày 14/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Bà Đ đã nộp đủ án phí.

Sung vào công quỹ nhà nước 300.000 (ba trăm nghìn) đồng của bà Lò Thị S, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001886 ngày 14/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

6. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/9/2022).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND thành phố ĐBP;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- UBND xã Mường Phăng, TP. ĐBP;
- Lưu: KT, VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bằng

